

ÁN LỆ SỐ 37/2020/AL¹

Về hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm tài sản trong trường hợp bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm sau khi kết thúc thời hạn đóng phí bảo hiểm

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 05 tháng 02 năm 2020 và được công bố theo Quyết định số 50/QĐ-CA ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định giám đốc thẩm số 28/2018/KDTM-GĐT ngày 26-6-2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” tại tỉnh Đồng Nai giữa nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn N với bị đơn là Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Công ty bảo hiểm P1, Ngân hàng thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần giấy S.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 4, 5 phần “Nhận định của Tòa án”.

Khái quát nội dung án lệ:

- Tình huống án lệ:

Sau khi kết thúc thời hạn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm tài sản, bên mua bảo hiểm mới đóng phí bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm không có ý kiến gì, không có văn bản thông báo cho bên mua bảo hiểm về việc chấm dứt hợp đồng mà vẫn nhận phí bảo hiểm, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và báo cáo thuế về khoản tiền đóng phí bảo hiểm. Sau đó, sự kiện bảo hiểm xảy ra.

- Giải pháp pháp lý:

Trường hợp này, hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp bảo hiểm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người được bảo hiểm.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Các điều 285, 287 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng với các điều 278, 354 Bộ luật Dân sự năm 2015);

- Các điều 15, 23 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010).

Từ khóa của án lệ:

“Hợp đồng bảo hiểm tài sản”; “Phí bảo hiểm”; “Thời hạn đóng phí bảo hiểm”; “Hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm”; “Sự kiện bảo hiểm”; “Bồi thường thiệt hại”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

¹ Án lệ này do Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Tòa án nhân dân tối cao đề xuất.

Công ty trách nhiệm hữu hạn N (gọi tắt là Công ty N) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600686844 ngày 29-07-2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai, được đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 04-09-2015.

Công ty N là bên được bảo hiểm và Công ty bảo hiểm P1 (gọi tắt là Bảo hiểm P1) là bên bảo hiểm cùng ký kết 07 hợp đồng bảo hiểm nội hơi và hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng như sau:

1. Hợp đồng bảo hiểm nội hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0005 ngày 24-03-2015, nội dung Hợp đồng bao gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm - bảo hiểm nội hơi số P-15/DNI/XCG/3201/0005 ngày 24-03-2015; Thông báo thu phí ngày 24-03-2015; Các điều khoản bổ sung; Quy tắc bảo hiểm nội hơi, theo đó Công ty N được Bảo hiểm P1 bảo hiểm:

- Về thiệt hại vật chất: Lò sấy Biomass (Tên thường gọi LÒ HÒA VIỆT) với số tiền bảo hiểm 6.500.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm đối với bên thứ ba: Giới hạn trách nhiệm 1.000.000.000 đồng/mỗi sự cố và trong suốt thời hạn bảo hiểm, trong đó:

- Về người

+ Cho mỗi người: 20.000.000 đồng/người/mỗi sự cố.

+ Cho tổng số người: 200.000.000 đồng/mỗi sự cố và trong suốt thời hạn bảo hiểm.

- Về tài sản: 2.000.000.000 đồng/mỗi sự cố và trong suốt thời hạn bảo hiểm.

Địa điểm được bảo hiểm: Công ty cổ phần H (gọi tắt là Công ty H); địa chỉ: Khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đối tượng thụ hưởng bảo hiểm: Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh B (Ngân hàng V – Chi nhánh B). Thời hạn bảo hiểm từ ngày 01-04-2015 đến ngày 31-03-2016. (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 0005).

2. Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/DNI/XCG/3303/0009, ngày 24-03-2015. Nội dung hợp đồng bao gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/DNI/XCG/3303/0009, ngày 24-03-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/DNI/XCG/3303/0009, ngày 24-03-2015; Thông báo thu phí ngày 24-03-2015; Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm công cộng; Các điều khoản sửa đổi bổ sung bảo hiểm trách nhiệm công cộng, theo đó Công ty N được Bảo hiểm P1 bảo hiểm với số tiền là 21.000.000.000 đồng cho mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ cả năm (Giới hạn về người: Không quá 20 triệu/người/vụ). Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm P1 bồi thường cho những tổn thương cá nhân hoặc thiệt hại vật chất xảy ra trong thời hạn bảo hiểm do một sự cố trong giới hạn địa lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty N. Địa điểm được bảo hiểm: Tại Công ty H; địa chỉ: Khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Phạm vi địa lý: Việt Nam. Đối tượng thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm: Ngân hàng V – Chi nhánh B (Người thụ hưởng 1), Công ty N (Người thụ hưởng 2). Thời hạn bảo hiểm từ ngày 01-04-2015 đến ngày 31-03-2016. (Sau đây gọi tắt là hợp đồng số 0009).

3. Hợp đồng bảo hiểm nôi hơi số P-15/DNI/XCG/3201/0006 ngày 26-03-2015. Nội dung hợp đồng bao gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm - bảo hiểm nôi hơi số P-15/DNI/XCG/3201/0006 ngày 26-03-2015; Thông báo thu phí ngày 26-03-2015; Các điều khoản bổ sung; Quy tắc bảo hiểm nôi hơi, theo đó Công ty N được Bảo hiểm P1 bảo hiểm:

- Về thiệt hại vật chất: Lò sấy Biomass số 03 (Tên thường gọi Lò hơi số 3), với số tiền bảo hiểm 13.000.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm đối với bên thứ ba: Giới hạn trách nhiệm 1.000.000.000 đồng/mỗi sự cố và trong suốt thời hạn bảo hiểm, trong đó:

- Về người:

+ Cho mỗi người 20.000.000 đồng/người/mỗi sự cố.

+ Cho tổng số người: 200.000.000 đồng/mỗi sự cố và trong suốt thời hạn bảo hiểm.

- Về tài sản: 2.000.000.000 đồng/mỗi sự cố và trong suốt thời hạn bảo hiểm.

Địa điểm được bảo hiểm: Tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên giấy S, nay là Công ty cổ phần giấy S (gọi tắt là Công ty giấy S); địa chỉ: Khu công nghiệp M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đối tượng thụ hưởng bảo hiểm: Ngân hàng V – Chi nhánh B. Thời hạn tham gia bảo hiểm từ ngày 01-4-2015 đến ngày 31-3-2016. (Sau đây gọi tắt là hợp đồng số 0006).

4. Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015. Nội dung Hợp đồng bao gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/DNI/XCG/3303/0010, ngày 26-03-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/DNI/XCG/3303/0010, ngày 26-3-2015; Thông báo thu phí ngày 26-3-2015; Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm công cộng; Các điều khoản sửa đổi bổ sung bảo hiểm trách nhiệm công cộng, theo đó Công ty N được Bảo hiểm P1 bảo hiểm với số tiền là 21.000.000.000 đồng cho mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ cả năm (Giới hạn về người: Không quá 20 triệu/người/vụ). Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm P1 bồi thường cho những thiệt hại về thương tật thân thể hay tài sản của các bên thứ ba mà Công ty N có trách nhiệm pháp lý phải thanh toán xảy ra trong thời hạn bảo hiểm do các sự cố liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty N. Địa điểm được bảo hiểm: Tại Công ty giấy S; địa chỉ: Khu công nghiệp M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Phạm vi địa lý: Việt Nam. Đối tượng thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm: Ngân hàng V - Chi nhánh B (Người thụ hưởng 1), Công ty N (Người thụ hưởng 2). Thời hạn tham gia bảo hiểm từ ngày 01-04-2015 đến ngày 31-03-2016. (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 0010).

5. Hợp đồng bảo hiểm nôi hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0007 ngày 30-09-2015. Nội dung Hợp đồng bao gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm - bảo hiểm nôi hơi số P-15/DNI/XCG/3201/0007 ngày 30-09-2015; Thông báo thu phí, ngày 30-09-2015; Các điều khoản bổ sung; Quy tắc bảo hiểm nôi hơi, theo đó Công ty N được Bảo hiểm P1 bảo hiểm:

- Về thiệt hại vật chất: Lò sấy Biomass số 01 (Tên thường gọi lò hơi số 1), với số tiền bảo hiểm 9.300.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm đối với bên thứ ba: Giới hạn trách nhiệm 1.000.000.000 đồng/mỗi sự cố và trong suốt thời hạn bảo hiểm, trong đó:

- Về người:

+ Cho mỗi người: 20.000.000 đồng/người/mỗi sự cố.

+ Cho tổng số người: 200.000.000 đồng/mỗi sự cố và trong suốt thời hạn bảo hiểm.

- Về tài sản: 800.000.000 đồng/mỗi sự cố và trong suốt thời hạn bảo hiểm.

Địa điểm được bảo hiểm: Tại Công ty giấy S; địa chỉ: Khu công nghiệp M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đối tượng thụ hưởng bảo hiểm: Ngân hàng V - Chi nhánh B. Thời hạn tham gia bảo hiểm từ ngày 01-10-2015 đến ngày 01-10-2016. (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 0007).

6. Hợp đồng bảo hiểm nồi hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0008 ngày 30-09-2015. Nội dung Hợp đồng bao gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm - bảo hiểm nồi hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0008, ngày 30-09-2015; Thông báo thu phí, ngày 30-09-2015; Các điều khoản bổ sung; Quy tắc bảo hiểm nồi hơi, theo đó Công ty N được Bảo hiểm P1 bảo hiểm:

- Về thiệt hại vật chất: Lò sấy Biomass số 02 (Tên thường gọi lò hơi số 2), với số tiền bảo hiểm 5.400.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm đối với bên thứ ba: Giới hạn trách nhiệm 1.000.000.000 đồng/mỗi sự cố và trong suốt thời hạn bảo hiểm, trong đó:

- Về người:

+ Cho mỗi người: 20.000.000 đồng/người/mỗi sự cố.

+ Cho tổng số người: 200.000.000 đồng/mỗi sự cố và trong suốt thời hạn bảo hiểm.

- Về tài sản: 800.000.000 đồng/mỗi sự cố và trong suốt thời hạn bảo hiểm.

Địa điểm được bảo hiểm: Tại Công ty giấy S; địa chỉ: Khu công nghiệp M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đối tượng thụ hưởng bảo hiểm: Ngân hàng V - Chi nhánh B. Thời hạn tham gia bảo hiểm từ ngày 01-10-2015 đến ngày 01-10-2016. (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 0008).

7. Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0057, ngày 30-09-2015. Nội dung Hợp đồng bao gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0057 ngày 30-09-2015; Thông báo thu phí bảo hiểm, ngày 30-09-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0057 ngày 30-09-2015; Các điều khoản sửa đổi bổ sung bảo hiểm trách nhiệm công cộng; Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm công cộng, theo đó Công ty N được Bảo hiểm P1 bảo hiểm với số tiền là 21.000.000.000 đồng cho mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ cả năm (Giới hạn về

người: Không quá 20 triệu/người/vụ). Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm P1 bồi thường cho những thiệt hại về thương tật thân thể hay tài sản của các bên thứ ba mà Công ty N có trách nhiệm pháp lý phải thanh toán xảy ra trong thời hạn bảo hiểm do các sự cố liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty N. Địa điểm được bảo hiểm: Tại Công ty giấy S; địa chỉ: Khu công nghiệp M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Phạm vi địa lý: Việt Nam. Đối tượng thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm: Ngân hàng V - Chi nhánh B (Người thụ hưởng 1), Công ty N (Người thụ hưởng 2). Thời hạn bảo hiểm từ ngày 01-10-2015 đến ngày 01-10-2016. (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 0057).

Vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 13-11-2015, tại Công ty giấy S xảy ra sự cố nổ lò hơi số 3, dẫn đến việc:

1. Về thiệt hại vật chất đối với lò hơi số 3: Toàn bộ hệ thống lò hơi số 3 bị phá hủy. Về thiệt hại tài sản đối với bên thứ 3: Chi phí chữa cháy, thiệt hại tài sản, chi phí xây dựng, thiệt hại do ngừng máy... của Công ty giấy S.

2. Thiệt hại về người: 02 công nhân trực vận hành Lò hơi số 3 là ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Thanh L đã chết.

3. Chi phí phát sinh dọn dẹp hiện trường: Tháo dỡ, dọn dẹp, vận chuyển và gửi giữ những tài sản tại hiện trường sau khi xảy ra sự cố nổ lò hơi số 3.

4. Gây ảnh hưởng, làm hư hỏng một phần Lò hơi số 2 của Công ty N.

Vào lúc 10 giờ 00 phút, ngày 13-11-2015, Bảo hiểm P và Công ty N đã lập Biên bản hiện trường/làm việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã trưng cầu giám định nguyên nhân dẫn đến sự cố. Đến ngày 13-01-2016, đã có Bản kết luận giám định số 3548/C54B của Phân Viện Khoa học hình sự (C54B) - Bộ Công an, thể hiện tại 03 văn bản của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cùng ngày 26-01-2016 gồm: Thông báo số 02/TB-PC44, về việc không khởi tố vụ án hình sự; Kết luận xác minh tin báo về tội phạm số 02/KL-PC44 (Đ3); Thông báo kết quả giải quyết tin báo về tội phạm số 02/TB-PC44; Công văn số 100/VKS-P2, ngày 26-01-2016 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc kết luận xác minh đơn tố giác tội phạm, kết luận nguyên nhân nổ lò hơi số 3 là do lỗi kỹ thuật, lò hơi số 3 vẫn trong thời hạn kiểm định (do Trung tâm kiểm định Công nghiệp II, Bộ Công thương cấp, ngày kiểm định lần tới là ngày 17-12-2016), vì vậy vụ nổ lò hơi số 3 ngày 13-11-2015 không có dấu hiệu của tội phạm xảy ra.

Bảo hiểm P1 chỉ định Công ty cổ phần giám định B, địa chỉ: 2.5 P, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành giám định tổn thất sự cố nổ lò hơi số 3. Việc giám định thực hiện trong các ngày 17, 18, 19, 20 và 28-11-2015, thể hiện bằng các biên bản ghi nhận hiện trường và đã xác định được phần thiệt hại bao gồm: Lò hơi số 3; nhà lò hơi số 1, số 2; thiết bị sử dụng chung giữa lò hơi số 1, số 2 và số 3; các thiệt hại về cơ khí, điện của lò hơi số 2; tài sản của bên thứ ba Công ty giấy S; việc dọn dẹp hiện trường trên thực tế.

Công ty N đã tổng hợp và gửi số liệu yêu cầu Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P và Bảo hiểm P1 bồi thường, dựa trên cơ sở pháp lý:

1. Về thiệt hại vật chất đối với lò hơi số 3: Công ty N căn cứ vào hợp đồng bảo hiểm nồi hơi số P-15/DNI/XCG/3201/0006 ngày 26-3-2015, sự cố nổ lò hơi số 3 thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm của Bảo hiểm P, bao gồm:

- Hệ thống lò hơi số 3: 13.886.965.686 đồng;
- Nhà lò hơi số 3: 1.298.476.400 đồng;
- Thiết bị, vật tư tiếp liệu (Tăng khả năng sử dụng các loại nguyên liệu đốt): 2.519.308.592 đồng;

- Chi phí phát sinh dọn dẹp hiện trường: Công ty N căn cứ vào khoản 25 về Điều khoản dọn dẹp hiện trường (Giới hạn US\$ 100,000) của Các điều khoản bổ sung Hợp đồng số 0006, chi phí phát sinh dọn dẹp hiện trường do sự cố nổ lò hơi số 3 thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm của Bảo hiểm P với thiệt hại thực tế:

- + Công tháo dỡ, cầu lò hơi số 3: 140.000.000 đồng;
- + Cước vận chuyên (Xe rơ mooc lớn): 20.000.000 đồng;
- + Công dọn dẹp và vận chuyên nhỏ: 200.000.000 đồng;
- + Tiền thuê kho chứa lò hơi số 3: 120.000.000 đồng.

Tổng cộng: 18.184.750.678 đồng.

2. Về thiệt hại người: Công ty N căn cứ vào Hợp đồng số 0009; Hợp đồng số 0010; Hợp đồng số 0057, sự cố nổ lò hơi số 3 gây thiệt hại người (chết 02 người) xảy ra trong phạm vi địa lý: Việt Nam, thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm công cộng của Bảo hiểm P với thiệt hại thực tế:

- Đối với anh Nguyễn Văn C: 300.000.000 đồng;
- Đối với anh Nguyễn Thanh L: 333.000.000 đồng.

Tổng cộng: 633.000.000 đồng;

3. Về thiệt hại tài sản đối với bên thứ ba: Công ty N căn cứ vào Hợp đồng số 0009; Hợp đồng số 0010; Hợp đồng số 0057, sự cố nổ lò hơi số 3 gây thiệt hại tài sản của bên thứ ba Công ty cổ phần giấy S, xảy ra trong phạm vi địa lý: Việt Nam, thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm công cộng của Bảo hiểm P với tổng thiệt hại thực tế:

- Thiệt hại về tài sản, chi phí xây dựng: 90.804.880 đồng;
- Chi phí chữa cháy: 24.943.000 đồng;
- Thiệt hại do gián đoạn sản xuất: 332.010.000 đồng;
- Bồi thường cho Công ty cổ phần giấy S chi phí chênh lệch giá khí đốt gas thay thế tháng 11-2015 do lò hơi số 3 bị nổ: 1.063.032.472 đồng.

Tổng cộng: 1.510.790.352 đồng.

4. Thiệt hại vật chất đối với lò hơi số 2: Công ty N căn cứ vào Hợp đồng số 0008, thiệt hại đối với lò hơi số 2 thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm của Bảo hiểm P với số tiền thiệt hại:

- Thiệt hại phần cơ khí: 200.000.000 đồng;
- Thiệt hại phần điện: 300.000.000 đồng.

Tổng cộng: 500.000.000 đồng.

Về phía Bảo hiểm P:

1. Không đồng ý bồi thường trách nhiệm vật chất đối với lò hơi số 3 và trách nhiệm bảo hiểm công cộng đối với người, tài sản bên thứ ba cho Công ty N vì phủ nhận hiệu lực Hợp đồng số 0006 và Hợp đồng số 0010, thể hiện qua Công văn số 130/P-DNI-CV, ngày 24-11-2015 của Bảo hiểm P1; phủ nhận thêm hiệu lực hợp đồng số 0005 và hợp đồng số 0009 qua Công văn số 136/P-DNI-CV, ngày 01-12-2015. Ngày 26-11-2015, Công ty N gửi công văn số 01/2015/PHTT-NTN-PHCO ĐN cho Bảo hiểm P phúc đáp không chấp nhận nội dung từ chối trách nhiệm bảo hiểm của Bảo hiểm P và yêu cầu phải bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra. Bảo hiểm P tiếp tục từ chối bồi thường bằng Công văn số 135/P-DNI-CV, ngày 01-12-2015 với lý giải: Công ty N phải thanh toán phí bảo hiểm trước ngày 01-05-2015 nhưng đến thời điểm ngày 07-05-2015 Bảo hiểm P1 mới nhận phí bảo hiểm, căn cứ vào Điều khoản thanh toán trong các Hợp đồng này đã chấm dứt hiệu lực vào ngày 01-05-2015, trước thời điểm xảy ra tổn thất ngày 13-11-2015 nên không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Bảo hiểm P. Không đồng ý đối với việc từ chối trách nhiệm bảo hiểm của Bảo hiểm P, ngày 02-12-2015 Công ty N đã gửi đơn khiếu nại đến Bảo hiểm P.

Bảo hiểm P từ chối bồi thường với lý do trên hoàn toàn không có căn cứ.

i) Về thời điểm có hiệu lực Hợp đồng: Theo quy định tại Điều 405 Bộ luật Dân sự quy định “Hợp đồng giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Về thời điểm giao kết Hợp đồng, “vào thời điểm bên đề nghị nhận được trả lời chấp nhận giao kết” (Khoản 1 Điều 404) hoặc “vào thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản” (Khoản 4 Điều 404). Trên thực tế, Bảo hiểm P đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm đối với Hợp đồng số 0005, ngày 24-3-2015; Hợp đồng số 0009, ngày 24-3-2015; Hợp đồng số 0006, ngày 26-3-2015; Hợp đồng số 0010, ngày 26-3-2015 và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty N, đã nhận tiền phí bảo hiểm vào ngày 07-05-2015 với tổng số tiền phí bảo hiểm của các Hợp đồng là 91.179.000 đồng. Các bên không có thỏa thuận khác về thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng. Bảo hiểm P phải chịu trách nhiệm bồi thường các tổn thất cho Công ty N theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 15 về thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010.

ii) Về chấm dứt hiệu lực của hợp đồng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Kinh doanh bảo hiểm thì hợp đồng bảo hiểm chấm dứt khi “Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận”.

Theo thỏa thuận của hai bên tại điều khoản thanh toán của các hợp đồng bảo hiểm nồi hơi: hợp đồng số 0005, số 0006, thì các bên có thỏa thuận:

“Trong trường hợp người được bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc

không đóng phí bảo hiểm theo điều khoản thanh toán của hợp đồng bảo hiểm”. Theo điều khoản thanh toán của các hợp đồng bảo hiểm nội hơi “Phí bảo hiểm sẽ được thanh toán cho người bảo hiểm bằng chuyển khoản thành 1 lần”. Công ty N đã đóng phí bảo hiểm bằng chuyển khoản 1 lần với tổng số tiền là 91.179.000 đồng và Bảo hiểm P1 đã nhận đủ.

“hoặc các thỏa thuận thanh toán khác đã được hai bên đồng ý bằng văn bản, hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm sẽ mặc nhiên chấm dứt vào ngày kế tiếp người được bảo hiểm phải đóng phí theo thỏa thuận của Hợp đồng bảo hiểm hoặc các sửa đổi/phụ lục bổ sung kèm theo (nếu có)”. Căn cứ vào Điều 23, điều khoản cam kết thanh toán phí bảo hiểm là điều khoản Công ty N mua bổ sung, chỉ áp dụng khi và chỉ khi có lợi cho Công ty N hơn điều khoản thanh toán đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm “(nhưng không phương hại đến quyền lợi của các bên theo đơn này)”. Theo cách lý giải, viện dẫn để phủ nhận hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm, không chịu trách nhiệm bồi thường của Bảo hiểm P là không có lợi cho Công ty N nên điều khoản bổ sung về thanh toán không có giá trị hiệu lực. Mặt khác, các điều khoản bổ sung là một bộ phận của hợp đồng số 15/DNI/XCG/3201/0005, không phải là bộ phận của hợp đồng số 0005 (Số P-15/ĐNI/XCG/3201/0005); của hợp đồng số 15/DNI/XCG/3201/0006, không phải hợp đồng số 0006 (Số P-15/ĐNI/XCG/3201/0006).

Theo các hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng: hợp đồng số 0009, số 0010, Bảo hiểm P viện dẫn Điều 5 là điều khoản về cam kết thanh toán phí bảo hiểm (15 ngày) phủ nhận hiệu lực hợp đồng, không chịu trách nhiệm bồi thường sự cố bảo hiểm cho Công ty N là không có cơ sở, do không liên quan đến hợp đồng số 0009, số 0010 và bất lợi cho Công ty N khi vận dụng điều khoản bổ sung (nếu có):

- Các điều khoản sửa đổi bổ sung bảo hiểm trách nhiệm công cộng là một bộ phận của Hợp đồng số: 15/DNI/XCG/3303/0009, không phải là bộ phận của hợp đồng số 0009 (Số P-15ĐNI/XCG/3303/0009); là một bộ phận của hợp đồng số 15/DNI/XCG/3303/0010, không phải là bộ phận của hợp đồng số 0010 (Số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010);

- Điều khoản về cam kết thanh toán phí bảo hiểm (15 ngày) là các điều khoản bổ sung chỉ áp dụng khi có lợi hơn các điều khoản khác thỏa thuận trong hợp đồng số 0009, số 0010 nhưng các hợp đồng này không quy định việc hợp đồng chấm dứt do chậm thanh toán phí bảo hiểm.

2. Về thiệt hại của lò hơi số 2: Bảo hiểm P cố tình lẩn tránh không thực hiện trách nhiệm bồi thường tổn thất theo Hợp đồng số 0008 như cam kết tại kết luận phần III của Công văn số 130/P-DNI-CV ngày 24-11-2015.

Vì các lẽ trên, người đại diện theo ủy quyền của Công ty N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng vào ngày 29-9-2016 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

- Công nhận hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0009 ngày 24-03-2015 giữa bên Bảo hiểm P1 với bên được

bảo hiểm Công ty N; Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại khi có sự cố bảo hiểm xảy ra.

- Công nhận hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0009, ngày 24-03-2015 giữa bên bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N; Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại khi có sự cố bảo hiểm xảy ra.

- Bồi thường cho Công ty N bảo hiểm trách nhiệm công cộng về người là 633.000.000 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0009 ngày 24-03-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0057 ngày 30-09-2015.

- Không tính lãi phạt quá hạn 150% trong yêu cầu bồi thường thiệt hại do Công ty cổ phần bảo hiểm P chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm.

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện bồi thường cho Công ty N toàn bộ tổn thất nổ lò hơi tầng sôi Biomass số 3 theo Hợp đồng bảo hiểm nồi hơi số P-15/DNI/XCG/3201/0006 ngày 26-3-2015 là: 18.184.750.678 đồng, chỉ yêu cầu 13.000.000.000 đồng và 200.000.000 đồng dọn dẹp hiện trường.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty N vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện còn lại và kính đề nghị Tòa án giải quyết buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P):

1. Công nhận hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm nồi hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0006, ngày 26-3-2015, giữa bên bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N; Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại.

2. Công nhận hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015, giữa bên bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N; Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại.

3. Bồi thường cho Công ty N toàn bộ tổn thất nổ lò hơi tầng sôi Biomass số 3 theo hợp đồng bảo hiểm nồi hơi số P-15/DNI/XCG/3201/0006 ngày 26-3-2015 là: 13.000.0000.000 đồng.

4. Dọn dẹp hiện trường 200.000.000 đồng.

5. Bồi thường cho Công ty N bảo hiểm trách nhiệm công cộng về tài sản của bên thứ ba do sự cố nổ lò hơi số 3 với số tiền là: 1.510.790.352 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/DNI/XCG/3303/0057 ngày 30-09-2015.

6. Bồi thường cho Công ty N toàn bộ tổn thất lò hơi tầng sôi Biomass số 2 là: 500.000.000 đồng theo hợp đồng bảo hiểm nồi hơi số

P-15/ĐNI/XCG/3201/0008 ngày 30-09-2015.

7. Bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm sau 15 ngày kể từ ngày 19-11-2015 cho đến ngày nhận đủ yêu cầu bồi thường hợp lệ (Được Bảo hiểm P1 ghi nhận trong Công văn số 130/P-DNI-CV, ngày 24-01-2015), có nghĩa là từ ngày 04-12-2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11-10-2016 theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành: 15.210.790.352 đồng x 10 tháng 07 ngày x 9%/năm = 1.167.428.159 đồng.

Tổng cộng (3)+(4)+(5)+(6)+(7): 16.378.218.511 đồng.

Phần bổ sung thêm để Tòa án có cơ sở xem xét, giải quyết:

1. Theo các hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số 0009, số 0010, số 0057 thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp do Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền giải quyết quy định tại Điều khoản 2.3 của các hợp đồng.

2. Về các hợp đồng bảo hiểm nội hơi, Công ty N căn cứ theo Điều 17 Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12, ngày 17-06-2010; khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20-03-2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do các Quy tắc bảo hiểm nội hơi có đóng dấu giáp lai với các Hợp đồng bảo hiểm nội hơi giữa bên cung cấp dịch vụ Bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm Công ty N và được nhà cung cấp dịch vụ Bảo hiểm P1 soạn sẵn có thỏa thuận trọng tài, Công ty N được quyền chọn Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết tranh chấp. Công ty N chọn Tòa án để giải quyết tranh chấp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý với Chứng thư thẩm định giá số 2003/TĐG-CT ngày 22-8-2016 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đ và không có ý kiến gì khác. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nghe Tòa án giải thích cho ông Chu Thanh T về việc ông T không đồng ý với chứng thư thẩm định giá trên thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án thẩm định giá lại nhưng ông T không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

A. Ý kiến về các nội dung yêu cầu khởi kiện bao gồm từ nội dung số 1 cho đến nội dung số 7 của Công ty N theo đơn khởi kiện đề ngày 17-05-2016, như sau:

I. Giấy chứng nhận bảo hiểm nội hơi số: P-15/DNI/XCG/3201/0006 đã được Bảo hiểm P1 và Công ty N cùng nhau thỏa thuận và ký kết ngày 26-3-2015 đúng theo quy định của pháp luật (Bộ hợp đồng bảo hiểm bao gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm, Thông báo thu phí bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm, Các điều khoản bổ sung được đóng dấu giáp lai của Bảo hiểm P1). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty N đã không thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng dẫn đến hợp đồng đã hết hiệu lực trước thời điểm xảy ra tổn thất, cụ thể như sau:

Theo điều khoản thanh toán trên giấy chứng nhận bảo hiểm và điều khoản bổ sung số 23 thì thời hạn thanh toán được quy định:

1) Theo thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm:

“Thời hạn thanh toán phí: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày 26-3-2015.

Điều khoản thanh toán ghi trong Hợp đồng: Phí bảo hiểm sẽ được thanh toán cho người bảo hiểm bằng tiền mặt, séc hoặc chuyển khoản thành 1 lần. Cụ thể, như sau:

Trong trường hợp người được bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng bảo hiểm hoặc các thỏa thuận thanh toán khác đã được hai bên đồng ý bằng văn bản, hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm sẽ mặc nhiên chấm dứt vào ngày kế tiếp. Người được bảo hiểm phải đóng phí theo thỏa thuận của Hợp đồng bảo hiểm hoặc các sửa đổi/ phụ lục bổ sung kèm theo (nếu có)”.

Như vậy theo thời hạn thanh toán phí này thì Công ty N phải thanh toán phí bảo hiểm cho Bảo hiểm P trước ngày 10-04-2015 (điều này cũng được Bảo hiểm P ghi rõ trong thông báo thu phí gửi tới Công ty N ngày 26-3-2015).

2) Theo Điều khoản bổ sung số 23: Điều khoản cam kết thanh toán phí bảo hiểm (30 ngày):

“1) Các bên thỏa thuận và ghi nhận rằng, dù cho có bất kỳ điều kiện nào trái ngược trong đơn bảo hiểm này, và trên cơ sở tuân theo điều kiện 2 quy định dưới đây (nhưng không phương hại đến quyền lợi của các bên theo đơn này), điều kiện tiên quyết để ràng buộc trách nhiệm của Bảo hiểm P theo đơn bảo hiểm, chứng nhận tái tục bảo hiểm, điều khoản bổ sung hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm tạm thời là người được bảo hiểm phải thanh toán đầy đủ bất cứ khoản phí bảo hiểm đã được tính toán nào và Bảo hiểm P, môi giới hoặc đại lý bảo hiểm đã cấp hoặc thu xếp đơn bảo hiểm này phải nhận được khoản phí đó với thời hạn thanh toán được quy định như sau:

(a) Nếu thời hạn bảo hiểm là 30 ngày hoặc lớn hơn thì việc thanh toán phải được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ:

(i) Ngày bắt đầu hiệu lực của đơn bảo hiểm, chứng nhận tái tục bảo hiểm, hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm tạm thời.

(ii) Ngày có hiệu lực quy định trong mỗi điều khoản bổ sung (nếu có) được cấp theo đơn bảo hiểm, chứng nhận tái tục bảo hiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm tạm thời nếu ngày hiệu lực bảo hiểm kê khai đó vào đúng hoặc sau ngày phát hành điều khoản bổ sung.

(iii) Ngày phát hành mỗi điều khoản bổ sung (nếu có) cấp theo đơn bảo hiểm, chứng nhận tái tục bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm tạm thời nếu ngày hiệu lực quy định trong điều khoản bổ sung này xảy ra trước ngày phát hành.

Hoặc

(b) Nếu thời hạn bảo hiểm ít hơn 60 ngày, trong vòng thời hạn bảo hiểm kê khai tại đơn bảo hiểm, chứng nhận tái tục bảo hiểm, điều khoản bổ sung, hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm tạm thời.

2) Trong trường hợp khoản phí bảo hiểm đề cập ở trên, chưa được thanh toán đầy đủ cho Bảo hiểm P, môi giới, đại lý như kê khai theo tính chất và thời gian quy định như trên (thời hạn đảm bảo thanh toán phí bảo hiểm), hiệu lực bảo hiểm theo đơn bảo hiểm, chứng nhận tái tục bảo hiểm, điều khoản bổ sung, hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm tạm thời sẽ coi như chấm dứt kể từ ngày hết hạn của thời hạn đảm bảo thanh toán phí bảo hiểm và Bảo hiểm P sẽ được miễn tất cả trách nhiệm kể từ đó và trong trường hợp này, Bảo hiểm P sẽ được hưởng khoản phí bảo hiểm tính theo tỷ lệ những ngày đơn bảo hiểm đã có hiệu lực nhưng không nhỏ hơn 20 USD.”

Như vậy, theo thời hạn thanh toán phí này thì Công ty N phải thanh toán phí bảo hiểm cho P trước ngày 01-05-2015.

Căn cứ vào các thỏa thuận thanh toán trên thì muộn nhất trước ngày 01-05-2015, Công ty N phải thanh toán phí bảo hiểm theo giấy chứng nhận bảo hiểm nội hơi số: P-15/DNI/XCG/3201/0006 cho Bảo hiểm P, nhưng đến thời điểm ngày 07-05-2015, P mới nhận được phí bảo hiểm từ Công ty N (chậm 7 ngày so với quy định của điều khoản bổ sung số 23, chậm 26 ngày so với điều khoản thanh toán trong giấy chứng nhận bảo hiểm).

Vì vậy, căn cứ vào điều khoản thanh toán trên giấy chứng nhận bảo hiểm và điều khoản bổ sung số 23; Căn cứ vào mục a khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 23 Luật Kinh doanh bảo hiểm; khoản 4 Điều 2 Thông tư số 194/2014/TT-BTC, ngày 17-12-2014 có hiệu lực ngày 01-02-2015 của Bộ Tài chính thì tồn thất nổ lò hơi tầng sôi Biomass số 3 công suất 30 tấn/h theo giấy chứng nhận bảo hiểm nội hơi số: P-15/DNI/XCG/3201/0006 xảy ra ngày 13-11-2015 của Công ty N tại Công ty TNHH MTV giấy S - Khu công nghiệp M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Bảo hiểm P vì hợp đồng bảo hiểm số: P-15/DNI/XCG/3201/0006 đã chấm dứt hiệu lực vào ngày 01-05-2015, trước thời điểm xảy ra tồn thất ngày 13-11-2015.

II. Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số: P-15/DNI/XCG/3303/0010 đã được Bảo hiểm P1 và Công ty N cùng nhau thỏa thuận và ký kết ngày 26-3-2015 (Bộ Hợp đồng bao gồm: Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm, Các điều khoản bổ sung được đóng dấu giáp lai). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty N đã không thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng dẫn đến Hợp đồng đã hết hiệu lực trước thời điểm xảy ra tồn thất, cụ thể như sau:

Theo giấy chứng nhận bảo hiểm và điều khoản bổ sung thì thời hạn thanh toán được quy định:

1. Theo thời hạn ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm: “Thời hạn thanh toán phí: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày cấp chứng thư”.

Như vậy theo thời hạn thanh toán phí này thì Công ty N phải thanh toán phí bảo hiểm cho Bảo hiểm P trước ngày 10-04-2015 (điều này cũng được Bảo hiểm P ghi rõ trong thông báo thu phí ngày 26-3-2015 đã gửi tới Công ty N).

2. Theo điều khoản bổ sung số 23: Điều khoản cam kết thanh toán phí bảo

hiểm: “Cho dù có bất kỳ điều gì mâu thuẫn được nêu ra tại đây và chỉ căn cứ vào và không gây phương hại cho điều 2 được đưa ra dưới đây, các bên tuyên bố và nhất trí rằng điều kiện tiên quyết đối với trách nhiệm bồi thường theo đơn bảo hiểm này, giấy chứng nhận tái tục bảo hiểm, sửa đổi bổ sung hay giấy chứng nhận bảo hiểm tạm thời là bất kỳ khoản phí bảo hiểm đến hạn nào đều phải được trả và được nhận đủ bởi Công ty bảo hiểm, các nhà môi giới hay đại lý có đăng ký kinh doanh:

(a) Nếu thời hạn bảo hiểm từ 30 ngày trở lên, trong vòng 30 ngày kể từ:

(i) Ngày nhận bảo hiểm theo đơn bảo hiểm, giấy chứng nhận tái tục bảo hiểm hay giấy chứng nhận bảo hiểm tạm thời, hay

(ii) Ngày có hiệu lực bảo hiểm được quy định trong mỗi sửa đổi bổ sung, nếu có, được cấp theo đơn bảo hiểm, giấy chứng nhận tái tục bảo hiểm hay giấy chứng nhận bảo hiểm tạm thời khi ngày có hiệu lực bảo hiểm ghi trên sửa đổi bổ sung đó là vào ngày hoặc sau ngày phát hành sửa đổi bổ sung đó, hay

(iii) Ngày phát hành của mỗi sửa đổi bổ sung, nếu có, được phát hành theo đơn bảo hiểm, giấy chứng nhận tái tục bảo hiểm hay giấy chứng nhận bảo hiểm tạm thời khi ngày có hiệu lực bảo hiểm ghi trên sửa đổi bổ sung đó là trước ngày phát hành.

(b) Nếu thời hạn bảo hiểm ngắn hơn 7 ngày, trong phạm vi thời hạn bảo hiểm ghi trên đơn bảo hiểm, giấy chứng nhận tái tục bảo hiểm hay giấy chứng nhận bảo hiểm tạm thời.

Khi bất kỳ khoản phí bảo hiểm nào được đề cập trên không được thanh toán đầy đủ cho Công ty bảo hiểm, môi giới hay đại lý được đăng ký như đã mô tả ở trên, theo phương thức và thời hạn quy định trên đây (“Thời hạn cam kết trả phí bảo hiểm”), thì việc bảo hiểm theo đơn bảo hiểm, giấy chứng nhận tái tục bảo hiểm hay giấy chứng nhận bảo hiểm tạm thời này sẽ bị tự động chấm dứt kể từ ngày có hiệu lực của hợp đồng và Công ty bảo hiểm sẽ được bãi miễn tất cả các trách nhiệm kể từ ngày đó”.

Như vậy, theo thời hạn thanh toán phí này thì Công ty N phải thanh toán phí bảo hiểm cho Bảo hiểm P trước ngày 01-05-2015.

Căn cứ vào các thỏa thuận thanh toán trên thì muộn nhất trước ngày 01-05-2015, Công ty N phải thanh toán phí bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số: P-15/DNI/XCG/3303/0010 cho Bảo hiểm P. Nhưng đến thời điểm ngày 07-05-2015, Bảo hiểm P mới nhận được phí bảo hiểm từ Công ty N (chậm 7 ngày so với quy định của Điều khoản bổ sung số 23, chậm 26 ngày so với điều khoản thanh toán trong hợp đồng bảo hiểm).

Vì vậy, căn cứ vào điều khoản thanh toán trong Hợp đồng bảo hiểm; Căn cứ vào mục a khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 23 Luật Kinh doanh bảo hiểm, khoản 4 Điều 2 Thông tư số 194/2014/TT-BTC ngày 17-12-2014 có hiệu lực ngày 01-02-2015 của Bộ Tài chính thì Công ty Bảo hiểm P1 không có trách nhiệm bồi thường đối với các trách nhiệm pháp lý của Công ty N đối với bên thứ ba liên quan đến tổn thất do nổ lò hơi tầng sôi Biomass số 3, công suất 30 tấn/h, theo Hợp

đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số: P-15/DNI/XCG/3303/0010, xảy ra ngày 13-11-2015 tại Công ty TNHH MTV giấy S - Khu công nghiệp M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vì hợp đồng bảo hiểm này đã chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 01-05-2015, trước thời điểm xảy ra tổn thất ngày 13-11-2015.

III. Giấy chứng nhận bảo hiểm nôi hơi số: P-15/DNI/XCG/3201/0008 đã được Bảo hiểm P1 và Công ty N cùng nhau thỏa thuận và ký kết ngày 30-09-2015 (Bộ Hợp đồng bao gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm, quy tắc bảo hiểm, các điều khoản bổ sung, toàn bộ tài liệu này đều được đóng dấu giáp lai của Bảo hiểm P). Căn cứ vào các tài liệu này Bảo hiểm P xin thông báo như sau:

Hợp đồng P-15/DNI/XCG/3201/0008, bảo hiểm cho lò hơi Biomass số 2 đã được Công ty N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng, do đó Bảo hiểm P sẽ xem xét giải quyết bồi thường theo quy định, việc này đã được Bảo hiểm P đề cập tại Công văn 130/P-DNI-CV ngày 24-11-2015. Hiện nay Công ty giám định đã được các bên thống nhất mời giám định cho lò hơi Biomass số 2 đang tiến hành công việc của mình, khi có kết quả Bảo hiểm P sẽ tiến hành bồi thường theo quy định.

Đối với tổn thất lò hơi số 2, Bảo hiểm P không trốn tránh trách nhiệm như nguyên đơn nêu mà Công ty bảo hiểm P1 đang phối hợp với Công ty N và Công ty cổ phần giám định B xác định giá trị thiệt hại, trên cơ sở đó để Công ty bảo hiểm P1 bồi thường theo quy định. Hiện nay vụ việc đang trong quá trình giải quyết, do vậy chúng tôi đề nghị quý Tòa xem xét không thụ lý nội dung này.

IV. Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/DNI/XCG/3303/0009 đã được Bảo hiểm P1 và Công ty N cùng nhau thỏa thuận và ký kết ngày 24-03-2015 theo đúng các quy định của pháp luật (Bộ Hợp đồng bao gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm, Thông báo thu phí, Quy tắc bảo hiểm, Các điều khoản bổ sung được đóng dấu giáp lai của Bảo hiểm P).

Theo Hợp đồng bảo hiểm này thì địa điểm được bảo hiểm là tại Công ty H, không liên quan đến tổn thất xảy ra tại Công ty giấy S.

Do vậy, đề nghị Quý Tòa không xem xét nội dung này.

V. Đối với yêu cầu bồi thường về người của Công ty N theo các Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P- 15/DNI/XCG/3303/0009 ngày 24-3-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/DNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015 và Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/DNI/XCG/3303/0057 ngày 30-9-2015, đề nghị Tòa án bác bỏ vì các hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng không bảo hiểm cho người làm công hay người làm thuê cho người được bảo hiểm.

VI. Đối với tổn thất liên quan đến trách nhiệm người thứ 3 thuộc đơn P-15/DNI/XCG/3303/0057 Công ty bảo hiểm P1 đang phối hợp với Công ty N và Công ty cổ phần giám định B xác định giá trị thiệt hại, trên cơ sở đó để Công ty bảo hiểm P1 bồi thường theo quy định. Hiện nay vụ việc đang trong quá trình giải quyết, do vậy đề nghị quý Tòa xem xét không thụ lý nội dung này.

B. Ý kiến cho nội dung yêu cầu khởi kiện số 9 của Công ty N theo đơn khởi

kiện đề ngày 17-05-2016, như sau:

Việc tính lãi suất do chậm thanh toán bồi thường cho tất cả các hạng mục khởi kiện là không có cơ sở vì các lý do sau:

1) Giấy chứng nhận bảo hiểm nôi hơi số: P-15/DNI/XCG/3201/0006 và hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số: P-15/DNI/XCG/3303/0010 đã chấm dứt hiệu lực vào ngày 01-05-2015, trước thời điểm xảy ra tổn thất ngày 13-11-2015 như đã nêu rõ ý kiến theo mục I và II phần A. Điều này đồng nghĩa với việc tính toán lãi suất do chậm thanh toán bồi thường là không có cơ sở.

2. Giấy chứng nhận bảo hiểm lò hơi số: P-15/DNI/XCG/3201/0008, Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số: P-15/DNI/XCG/3303/0057.

Ngày 24-11-2015, Công ty bảo hiểm P1 đã có công văn số: 130/P-DNI-CV thông báo rằng: “Quý Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp phí theo đúng quy định, Bảo hiểm P sẽ phối hợp/hướng dẫn quý Công ty các bước tiếp theo để xem xét phạm vi, trách nhiệm bảo hiểm của hạng mục tổn thất theo giấy chứng nhận bảo hiểm này”.

Sau khi tổn thất xảy ra, Bảo hiểm P đã thuê Công ty cổ phần giám định B phối hợp/hướng dẫn Công ty N thu thập hồ sơ nhằm xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất để có căn cứ xem xét bồi thường cho các tổn thất theo Hợp đồng bảo hiểm này (việc thuê đơn vị giám định độc lập Công ty cổ phần giám định B đã được Bảo hiểm P & Công ty N cùng xác nhận đồng ý). Nhưng cho đến nay Công ty N chưa cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh tổn thất theo công văn yêu cầu và hướng dẫn bằng nhiều cuộc họp của Công ty cổ phần giám định B. Bảo hiểm P có trách nhiệm bồi thường trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, quy tắc bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trong trường hợp này, Công ty N chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ theo quy định, do đó P chưa thể thực hiện bồi thường thiệt hại lò hơi Biomass số 2, nên không thể cho rằng Bảo hiểm P chậm thực hiện nghĩa vụ theo như đơn khởi kiện của Công ty N.

3. Về mốc thời gian tính khiếu nại chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường:

Vụ tổn thất xảy ra là ngày 13-11-2015, trong khi đó Công ty N khiếu nại do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường từ thời điểm 19-01-2015. Thời gian mà Công ty N đề cập tính lãi suất không liên quan gì đến thời điểm tổn thất, cũng không liên quan gì đến công văn 130/PHCO-DNI-CV ngày 24-11-2015 mà Bảo hiểm P1 gửi Công ty N.

4. Quy định về bồi thường do chậm nghĩa vụ thanh toán:

Theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và quy tắc bảo hiểm thì Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho người được bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Công ty bảo hiểm P đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình theo đúng như các điều kiện, điều khoản đã được các bên cùng thống nhất trong các hợp đồng và giấy chứng nhận bảo hiểm số P-15/DNI/XCG/3201/0006;

P-15/DNI/XCG/3303/0010 và P-15/ĐNI/XCG/3303/0009. Việc từ chối bồi thường đối với các Hợp đồng/giấy chứng nhận này là đúng với các cam kết trong Hợp đồng và đúng quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm; Thông tư số 194/2014/TT-BTC ngày 17-12-2014, có hiệu lực ngày 01-02-2015 của Bộ Tài chính. Từ những vấn đề nêu trên, đề nghị quý Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về Chứng thư thẩm định giá số 2003/TĐG-CT ngày 22-8-2016 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đ, Bảo hiểm P có ý kiến là không đồng ý với chứng thư thẩm định giá trên vì việc thẩm định giá là không phù hợp và không đúng quy định pháp luật. Tòa án đã giải thích là bị đơn có quyền yêu cầu thẩm định giá lại thì phía bị đơn đã có ý kiến gửi cho Tòa án là việc sử dụng chứng thư thẩm định giá làm cơ sở đề bồi thường bảo hiểm là không đúng với các quy định của pháp luật về bồi thường bảo hiểm. Đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty bảo hiểm P1 do ông Chu Thanh T đại diện trình bày:

Thông nhất ý kiến của bị đơn trong bản tự khai ngày 27-6-2016, các biên bản hòa giải và không có ý kiến gì khác. Các ý kiến của Tổng công ty bảo hiểm P (Bảo hiểm P) gửi Tòa án cũng là ý kiến của ông với tư cách là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty bảo hiểm P1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần V do bà Hà Thị Thanh H đại diện theo ủy quyền trình bày.

- Ngày 08-05-2013, Công ty N (sau đây viết tắt là: khách hàng) có thể chấp tài sản cho Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh B (sau đây viết tắt là Ngân hàng) là hệ thống lò hơi lắp đặt tại Công ty cổ phần H, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 069/13/VCB.BH ngày 08-05-2013. Hệ thống lò hơi lắp đặt tại Công ty cổ phần H đã được khách hàng mua bảo hiểm như sau:

+ Hợp đồng bảo hiểm nội hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0005, ngày 24-03-2015 với người thụ hưởng thứ nhất là Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh B, số tiền bảo hiểm là 6.500.000.000 đồng, thời hạn bảo hiểm từ 01-04-2015 - 31-03-2016.

+ Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0009 ngày 24-03-2015 với người thụ hưởng thứ nhất là Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh B, số tiền bảo hiểm là 21.000.000.000 đồng, thời hạn bảo hiểm từ 01-04-2015 - 31-03-2016.

- Ngày 01-10-2014, Công ty N có thể chấp tài sản cho Ngân hàng là hệ thống lò hơi lắp đặt tại Công ty TNHH MTV giấy S (Lò 2), theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 207/14/VCB.BH ngày 01-10-2014. Hệ thống lò hơi số 2 đặt tại Công ty giấy S đã được khách hàng mua bảo hiểm như sau:

+ Hợp đồng bảo hiểm nội hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0008 ngày 30-09-2015 với người thụ hưởng thứ nhất là Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh B, số tiền bảo hiểm là 5.400.000.000 đồng, thời hạn bảo hiểm từ 01-10-2015 - 01-10-2016.

+ Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0057

ngày 30-09-2015 với người thụ hưởng thứ nhất là Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh B, với số tiền bảo hiểm là 21.000.000.000 đồng, thời hạn bảo hiểm từ 01-10-2015 đến 01-10-2016.

- Ngày 06-02-2015, Công ty N có thể chấp tài sản cho Ngân hàng là Hệ thống lò hơi lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Giấy S (Lò 3), theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 055/15/VCB.BH, ngày 06-02-2015. Hệ thống lò hơi số 3 đặt tại Công ty Giấy S đã được khách hàng mua bảo hiểm như sau:

+ Hợp đồng bảo hiểm nôi hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0006 ngày 26-3-2015 với người thụ hưởng thứ nhất là Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh B, số tiền bảo hiểm là 13.000.000.000 đồng, thời hạn bảo hiểm từ 01-04-2015 đến 31-03-2016.

+ Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015 với người thụ hưởng thứ nhất là Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh B, số tiền bảo hiểm là 21.000.000.000 đồng, thời hạn bảo hiểm từ 01-04-2015 đến 31-03-2016.

Các tài sản trên được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty N tại Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh B theo các Hợp đồng tín dụng với nội dung chi tiết như sau:

STT	Số hợp đồng	Mục đích vay	Số tiền cho vay (triệu đ)	Thời hạn cho vay (tháng)	Lãi suất đang áp dụng	Dư nợ đến thời điểm hiện tại (triệu đ)
1	0061.15/48.05-HMTD ngày 06-02-2015; phụ lục số 01/0061.15/48.05-HMTD ngày 15-06-2015 và Phụ lục số 01/0061.15/48.05-HMTD ngày 16-12-2015	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ việc sản xuất kinh doanh	8.000	12	7.30%	8.991
2	0050.14/48.05-ĐTDA ngày 11-03-2014	Thanh toán tiền mua xe ô tô tải Thaco Auman mới 100%.	425	36	10.00%	157

3	0425.14/48.05-ĐTDA ngày 01-10-2014	Thanh toán tiền mua máy móc, thiết bị, vật tư, và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng hệ thống thiết bị lò hơi	4.500	48	10.00%	3.226
4	0033.15/48.TN-XE ngày 16-04-2015	Thanh toán tiền mua xe ô tô tải Thaco Auman mới 100%.	561	36	10.00%	358
5	0136.15/48.TN-XE ngày 08-06-2015	Thanh toán tiền mua xe ô tô tải Thaco Auman mới 100%	564	36	10.00%	392
6	0146.15/48.TN-XE ngày 16-06-2015	Thanh toán tiền mua xe ô tô tải Thaco Auman mới 100%.	319	36	10.00%	221
7	0382.15/15.BL- DTDA ngày 12-11-2015	Thanh toán tiền mua máy móc, thiết bị, vật tư và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng hệ thống thiết bị lò hơi	6.000	48	10.00%	5.950
Tổng cộng			16.300			19.295

- Theo văn bản trình báo về sự cố nổ lò hơi của Công ty N gửi Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh B ngày 16-11-2015, vào khoảng 00 giờ 30 ngày 13-11-2015, tại Công ty giấy S, địa chỉ: Khu công nghiệp M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã xảy ra sự cố nổ lò hơi số 3 của khách hàng. Sự cố trên đã gây ra thiệt hại hoàn

toàn cho tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 055/15/VCB.BH ngày 06-02-2015, giá trị thiệt hại ước tính khoảng 13.000.000.000 đồng.

- Ngày 16-11-2015, Ngân hàng đã xuống hiện trường vụ việc thực tế và làm việc với Công ty N (chi tiết theo Biên bản làm việc ngày 16-11-2015). Ngân hàng yêu cầu phía khách hàng cung cấp chi tiết tình trạng tài sản thế chấp, đồng thời tích cực triển khai làm việc với bên Công ty bảo hiểm P1 để được bồi thường thiệt hại do sự cố trên gây ra.

Theo thông báo về việc Thu lý vụ án số 72/2016/TB-KDTM ngày 02-06-2016 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa về việc “Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm”, Công ty N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề cụ thể sau:

1. Công nhận hiệu lực hợp đồng bảo hiểm nội hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0006 ngày 26-3-2015 giữa bên Bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N; Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại nêu dưới đây.

2. Công nhận hiệu lực hợp đồng bảo hiểm nội hơi số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015 giữa bên Bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N; Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại nêu dưới đây.

3. Công nhận hiệu lực hợp đồng bảo hiểm nội hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0005 ngày 24-03-2015 giữa bên Bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N; Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại khi có sự cố bảo hiểm xảy ra.

4. Công nhận hiệu lực hợp đồng bảo hiểm nội hơi số P-15/ĐNI/XCG/3303/0009 ngày 24-03-2015 giữa bên bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N; Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại nêu dưới đây và thiệt hại khác khi có sự cố bảo hiểm xảy ra.

5. Bồi thường cho Công ty N toàn bộ tổn thất nổ lò hơi tầng sôi Biomass số 3 theo Hợp đồng bảo hiểm nội hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0006 ngày 26-3-2015 với số tiền là 18.184.750.678 đồng.

6. Bồi thường cho Công ty N bảo hiểm trách nhiệm công cộng về người là 633.000.000 đồng theo hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0009 ngày 24-03-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0057 ngày 30-09-2015.

7. Bồi thường cho Công ty N bảo hiểm trách nhiệm công cộng về tài sản của bên thứ 3, do sự cố lò hơi số 3 với số tiền là 1.510.790352 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0009 ngày 24-03-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số

P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0057 ngày 30-09-2015.

8. Bồi thường cho Công ty N toàn bộ tổn thất nổ lò hơi tầng sôi Biomass số 2 là 500.000.000 đồng theo hợp đồng bảo hiểm nồi hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0008 ngày 30-09-2015.

9. Bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm sau 15 ngày kể từ ngày 19-01-2015 (được Bảo hiểm P1 ghi nhận trong Công văn số 130/P-DNI-CV, ngày 24-11-2015) cho đến ngày xét xử sơ thẩm, theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường: 20.828.541.030 đồng x 15 tháng (tạm tính từ ngày 04-02-2015 đến ngày 04-05-2016) x 9%/năm x 150% = 3.514.816.298 đồng.

Tổng cộng (5)+(6)+(7)+(8)+(9): 24.343.357.328 đồng.

Đối với các nội dung của Công ty N khởi kiện Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với Chứng thư thẩm định giá số 2003/TĐG-CT ngày 22-8-2016 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đ thì Ngân hàng không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 50/2016/KDTM-ST ngày 11-10-2016, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai quyết định:

Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty N.

Buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P):

1. Công nhận hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm nồi hơi số P- 15/ĐNI/XCG/3201/0006 ngày 26-3-2015 giữa bên bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N và Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại.

2. Công nhận hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015 giữa bên bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N và Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại.

3. Bồi thường cho Công ty N toàn bộ tổn thất nổ Lò hơi tầng sôi Biomass số 3 theo hợp đồng bảo hiểm nồi hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0006, ngày 26-3-2015 là: 13.000.0000.000 đồng;

4. Dọn dẹp hiện trường 200.000.000 đồng.

5. Bồi thường cho Công ty TNHH N bảo hiểm trách nhiệm công cộng về tài sản của bên thứ ba do sự cố nổ lò hơi số 3 với số tiền là: 1.510.790.352 đồng, theo hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0057 ngày 30-09-2015.

6. Bồi thường cho Công ty N toàn bộ tổn thất Lò hơi tầng sôi Biomass số 2 là: 500.000.000 đồng, theo hợp đồng bảo hiểm nồi hơi số

P-15/ĐNI/XCG/3201/0008 ngày 30-09-2015.

7. Bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm sau 15 ngày kể từ ngày 19-11-2015 nhận đủ yêu cầu bồi thường hợp lệ (được Bảo hiểm P1 ghi nhận trong Công văn số 130/P-DNI-CV ngày 24-01-2015) tức ngày 04-12-2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11-10-2016, theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành: 15.210.790.352 đồng x 10 tháng 07 ngày x 9%/năm = 1.167.428.159 đồng.

Tổng cộng (3)+(4)+(5)+(6)+(7): 16.378.218.511 đồng.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Công ty N đã rút gồm:

- Công nhận hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0009 ngày 24-03-2015 giữa bên bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N và Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại khi có sự cố bảo hiểm xảy ra.

- Công nhận hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0009 ngày 24-03-2015 giữa bên bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N và Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại khi có sự cố bảo hiểm xảy ra.

- Bồi thường cho Công ty N bảo hiểm trách nhiệm công cộng về người là 633.000.000 đồng, theo hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0009 ngày 24-03-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0057 ngày 30-09-2015.

- Không tính lãi phạt quá hạn 150% trong yêu cầu bồi thường thiệt hại do Công ty cổ phần bảo hiểm P chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm.

- Một phần yêu cầu khởi kiện bồi thường cho Công ty N toàn bộ tổn thất nổ lò hơi tầng sôi Biomass số 3 theo Hợp đồng bảo hiểm nồi hơi số P-15/DNI/XCG/3201/0006 ngày 26-3-2015 là: 4.984.750.678 đồng.

Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải hoàn trả cho Công ty N chi phí thẩm định giá tổng cộng: 134.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20-10-2016, bị đơn Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 01/2017/KDTM-PT ngày 06-3-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty N.

Buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P):

1. Công nhận hiệu lực hợp đồng bảo hiểm nôi hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0006 ngày 26-3-2015 giữa bên bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N và Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại.

2. Công nhận hiệu lực hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015 giữa bên bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N và Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại.

3. Bồi thường cho Công ty N toàn bộ tổn thất nổ lò hơi tầng sôi Biomass số 3 theo hợp đồng bảo hiểm nôi hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0006 ngày 26-3-2015 là: 13.000.0000.000 đồng.

4. Dọn dẹp hiện trường 200.000.000 đồng.

5. Bồi thường cho Công ty N bảo hiểm trách nhiệm công cộng về tài sản của bên thứ ba do sự cố nổ lò hơi số 3 với số tiền là: 1.510.790.352 đồng, theo hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0057 ngày 30-09-2015.

6. Bồi thường cho Công ty N toàn bộ tổn thất Lò hơi tầng sôi Biomass số 2 là: 500.000.000 đồng, theo hợp đồng bảo hiểm nôi hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0008 ngày 30-09-2015.

7. Bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm sau 15 ngày kể từ ngày 19-11-2015 nhận đủ yêu cầu bồi thường hợp lệ (Được Bảo hiểm P1 ghi nhận trong Công văn số 130/P-DNI-CV ngày 24-01-2015) tức ngày 04-12-2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11-10-2016, theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành: 15.210.790.352 đồng x 10 tháng 07 ngày x 9%/năm = 1.167.428.159 đồng.

Tổng cộng (3)+(4)+(5)+(6)+(7) thì Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N là: 16.378.218.511 đồng.

Đình chỉ phân yêu cầu khởi kiện của Công ty N đã rút gồm:

- Công nhận hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0009 ngày 24-03-2015 giữa bên bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N và Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại khi có sự cố bảo hiểm xảy ra.

- Công nhận hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0009 ngày 24-03-2015 giữa bên bảo hiểm P1 với bên được bảo hiểm N và Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty N toàn bộ thiệt hại khi có sự cố bảo hiểm xảy ra.

- Bồi thường cho Công ty N bảo hiểm trách nhiệm công cộng về người là 633.000.000 đồng, theo Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0009, ngày 24-03-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0057 ngày 30-09-2015.

- Không tính lãi phạt quá hạn 150% trong yêu cầu bồi thường thiệt hại do Công ty cổ phần bảo hiểm P chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm.

- Một phần yêu cầu khởi kiện bồi thường cho Công ty N toàn bộ tổn thất nổ lò hơi tầng sôi Biomass số 3 theo Hợp đồng bảo hiểm nồi hơi số P-15/DNI/XCG/3201/0006 ngày 26-3-2015 là: 4.984.750.678 đồng.

- Về chi phí tố tụng: Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải chịu chi phí thẩm định giá là 134.000.000 đồng, nên Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P (Công ty cổ phần bảo hiểm P) phải có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty N số tiền là 134.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên và tiền chi phí thẩm định giá thì phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Sau khi xét xử phúc thẩm, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P có đơn đề nghị xem xét Bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 45/QĐKNGĐT-VC3-KDTM ngày 08-02-2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên và hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 50/2016/KDTM-ST ngày 11-10-2016 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

[2] Công ty N cung cấp, lắp đặt và vận hành 03 lò hơi tại Khu công nghiệp M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho Công ty cổ phần giấy S (Công ty giấy). Đồng thời Công ty N và Công ty bảo hiểm P1 (Bảo hiểm P1) ký kết 05 Hợp đồng bảo hiểm nồi hơi và bảo hiểm trách nhiệm công cộng, cụ thể: Hợp đồng bảo hiểm nồi hơi số P-15/DNI/XCG/3201/0006 ngày 26-3-2015 (HĐ số 06); Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/DNI/XCG/3303/0010 ngày 26-3-2015 (HĐ

số 10); Hợp đồng bảo hiểm nôi hơi số P-15/DNI/XCG/3201/0007 ngày 30-09-2015 (HĐ số 07); Hợp đồng bảo hiểm nôi hơi số P-15/ĐNI/XCG/3201/0008 ngày 30-09-2015 (HĐ số 08); Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng số P-15/ĐNI/XCG/3303/0057 ngày 30-09-2015 (HĐ số 57).

[3] Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13-11-2015, tại Công ty giấy xảy ra sự cố nổ lò hơi số 3, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã trưng cầu giám định nguyên nhân dẫn đến sự cố và có kết luận nguyên nhân nổ lò hơi số 3 là do lỗi kỹ thuật, không có dấu hiệu của tội phạm. Sự cố nổ lò hơi không chỉ gây ra thiệt hại cho những tài sản của Công ty N mà còn ảnh hưởng đến tài sản của Công ty giấy. Những tài sản bị thiệt hại tại Công ty giấy nằm trong phạm vi bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm nên Công ty N được bồi thường bảo hiểm về giá trị bị thiệt hại theo qui định của pháp luật.

[4] Tuy nhiên, Bảo hiểm P1 cho rằng Công ty N chậm nộp tiền phí bảo hiểm, nên Hợp đồng số 06 và Hợp đồng số 10 không có hiệu lực vì: Ngày cuối cùng phải đóng tiền phí bảo hiểm là ngày 01-5-2015, nhưng đến ngày 07-5-2015, Công ty N mới chuyển tiền đóng phí bảo hiểm cho Bảo hiểm P1. Sau khi nhận được tiền phí bảo hiểm của Công ty N, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P và Bảo hiểm P1 không có ý kiến gì và cũng không có văn bản thông báo về việc đóng tiền phí bảo hiểm chậm thì hai Hợp đồng trên đã không còn hiệu lực từ ngày 01-5-2015, mà Bảo hiểm P1 vẫn nhận, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và báo cáo thuế về hai khoản tiền đóng bảo hiểm này của Công ty N, nên mặc nhiên Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P và Bảo hiểm P1 thừa nhận việc đóng tiền phí bảo hiểm chậm của Công ty N và thừa nhận hai hợp đồng bảo hiểm trên có hiệu lực thi hành.

[5] Do đó, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P phải có trách nhiệm bồi thường theo Hợp đồng giữa hai bên đã ký kết.

[6] Đối với việc tổn thất và bồi thường thấy rằng: Căn cứ Điều 48 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: Phải thực hiện việc giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Để từ đó, có căn cứ xác định khoản tiền Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P phải bồi thường. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chỉ quyết định thẩm định giá trị tài sản để từ đó lấy căn cứ buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P bồi thường là không có căn cứ vì theo quy định tại khoản 15 Điều 4 Luật Giá quy định: Thẩm định giá là việc cơ quan, tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá trị bằng tiền của các loại tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự phù hợp với giá thị trường tại một địa điểm, thời điểm nhất định, phục vụ cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá.

[7] Mặt khác, theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm số 06 quy định về mức khấu trừ như sau: Mức khấu trừ là khoản tiền người được bảo hiểm tự gánh chịu trong trường hợp có tổn thất xảy ra, mức khấu trừ trong Hợp đồng này là 5% giá trị tổn thất tối thiểu là 10.000.000 đồng/mỗi vụ tổn thất. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét thỏa thuận này trong Hợp đồng mà buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là không đúng thỏa thuận của Hợp đồng, làm thiệt hại quyền lợi của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P.

[8] Đối với Hợp đồng bảo hiểm số 08: Sau khi xảy ra sự việc, hai bên thống nhất để Công ty cổ phần giám định B thực hiện việc giám định. Nhưng Công ty cổ phần giám định B chưa giám định xong tổn thất do Công ty N chưa cung cấp đủ hồ sơ, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét vấn đề này mà đã buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P phải bồi thường cho Công ty N khi chưa đủ chứng cứ là không có căn cứ.

[9] Công ty N chưa cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã bồi thường thiệt hại về vật chất cho bên thứ ba, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đều buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P phải bồi thường trách nhiệm công cộng theo Hợp đồng số 10 và Hợp đồng số 57 số tiền 1.510.790.352 đồng là chưa có căn cứ.

[10] Ngoài ra, giấy kiểm định kỹ thuật của Trung tâm kiểm định Công nghiệp II xác định: Lần kiểm định trước tháng 10-2013, nhưng hợp đồng bảo hiểm và chứng thư thẩm định giá lại xác định Lò sấy BIOMASS sản xuất năm 2014, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa làm rõ vấn đề này, nhưng đã quyết định buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P phải bồi thường cho Công ty N là chưa đủ căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337, Điều 343 và Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Kháng nghị số 45/QĐKNGĐT-VC3-KDTM ngày 08-02-2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 01/2017/KDTM-PT ngày 06-3-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 50/2016/KDTM-ST ngày 11-10-2016 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữa nguyên đơn là Công ty N với bị đơn là Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“[4]... Sau khi nhận được tiền phí bảo hiểm của Công ty N, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P và Bảo hiểm P1 không có ý kiến gì và cũng không có văn bản thông báo về việc đóng tiền phí bảo hiểm chậm thì hai Hợp đồng trên đã không còn hiệu lực từ ngày 01-5-2015, mà Bảo hiểm P1 vẫn nhận, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và báo cáo thuế về hai khoản tiền đóng bảo hiểm này của Công ty N, nên mặc nhiên Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P và Bảo hiểm P1 thừa nhận việc đóng tiền phí bảo hiểm chậm của Công ty N và thừa nhận hai hợp đồng bảo hiểm trên có hiệu lực thi hành.

[5] Do đó, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P phải có trách nhiệm bồi thường theo Hợp đồng giữa hai bên đã ký kết.”